

Số: /QĐ-UBND TP. Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi Trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 01/3/2025 của UBND thành phố ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Giang nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Onechang Vina tại Văn bản số 01/OCV-GPMT ngày 14/5/2025 về việc cấp Giấy phép môi trường cho dự án “Dự án Nhà máy may xuất khẩu - Bắc Giang”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 508/TTr-NNMT ngày 03/6/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép Công ty TNHH Onechang Vina, địa chỉ: Tổ dân phố Thành Bắc, Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường cho dự án đầu tư “Dự án Nhà máy may xuất khẩu - Bắc Giang”, địa điểm thực hiện tại Tổ dân phố Thành Bắc, Phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Dự án Nhà máy may xuất khẩu - Bắc Giang.

Tên chủ dự án: Công ty TNHH Onechang Vina.

1.2. Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Thành Bắc, Phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.

Địa điểm hoạt động: Tổ dân phố Thành Bắc, Phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 2400760016, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 06/02/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 25/06/2020.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8783245417 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 06/02/2015, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 09/11/2020.

1.4. Mã số thuế: 2400760016.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), may trang phục (trừ trang phục từ da, lông thú), gia công và thêu các mặt hàng kể trên.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được triển khai tại Tổ dân phố Thành Bắc, Phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang trên phần nhà xưởng có diện tích 16.022,8 m².

- Nhóm dự án: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Công suất: 10.000.000 sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ: Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), may trang phục (trừ trang phục từ da, lông thú), gia công và thêu các mặt hàng kể trên với các bước chính như: Nguyên liệu → Cắt → Thêu → May → Kiểm tra → Đóng hàng → Xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Onechang Vina được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Onechang Vina có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND thành phố Bắc Giang, Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến UBND thành phố Bắc Giang.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (*trường hợp dự án chấm dứt hoạt động trước thời hạn nêu trên thì giấy phép môi trường hết hiệu lực kể từ thời điểm dự án chấm dứt hoạt động*).

Điều 4. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND Phường Xương Giang, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Dự án Nhà máy may xuất khẩu - Bắc Giang” tại Tổ dân phố Thành Bắc, Phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Onechang Vina được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND&UBND, Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố, UBND phường Xương Giang, Công ty TNHH Onechang Vina và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Phòng Nông nghiệp và MT (lưu h/s);
- UBND phường Xương Giang;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- VP: LĐ, CV;
- Lưu: VT, HS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Dũng

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /QĐ-UBND ngày /6/2025
của UBND Thành phố Bắc Giang)*

1. Nguồn phát sinh nước thải: Có 02 nguồn

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại nhà máy.

- Nguồn số 2: Nước làm mát từ quá trình làm mát máy móc. Lượng nước làm mát sẽ được tuần hoàn, tiếp tục sử dụng định kỳ, không thải ra ngoài môi trường.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải: Gồm 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 70 m³/ngày đêm đầu nối với kênh thoát nước của phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh thoát nước của Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: 01 vị trí xả thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 70 m³/ngày đêm chảy ra kênh thoát nước của phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang.

- Tọa độ vị trí xả thải: X = 2355022; Y = 418719 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 1070, múi chiều 30).

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nguồn số 1: 70m³/ngày.đêm, tương đương khoảng 2,92m³/giờ (tính theo 24 giờ).

- Nguồn số 2: Tuần hoàn sử dụng, không thải ra ngoài môi trường.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ).

2.4.3. Chất lượng nước thải sau xử lý: Trước khi xả vào nguồn tiếp nhận, nước thải phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B), cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm (QCVN 14:2008/BTN MT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	Dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2, điều 97 - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 46, Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025
2	BOD ₅	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	mg/l	1000	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0	
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng coliforms	MPN/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ tại 03 bể tự hoại 3 ngăn (thể tích 17m³, 30m³, 30m³); nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tách dầu mỡ (thể tích 3,0m³). Nước thải sau khi xử lý sơ bộ tiếp tục được thu gom bằng đường ống PVC D110 dài khoảng 480m dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 70 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Toàn bộ nước thải của Công ty TNHH Onechang Vina được thu gom, xử lý thông qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án công suất 70 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào kênh thoát nước của Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang.

- Công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt: Công nghệ sinh học.
- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý: 70 m³/ngày đêm.

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (sau khi được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại và bể tách dầu mỡ) → Bể điều hòa → Bể yếm khí → Bể hiếu khí → Bể lắng bùn (bể lắng đứng) → Bể khử trùng → Bể tiếp xúc → Môi trường tiếp nhận (Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả ra nguồn tiếp nhận).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:
- + Chế phẩm sinh học (EM): 2kg/ngày.
- + Hoá chất khử trùng Clo: 1 lít/ngày

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

1.4.1. Phương án phòng ngừa sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.4.2. Phương án ứng phó sự cố

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống để khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố: Một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể xả thải, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra và điều chỉnh lại định mức hóa chất và hiệu quả lắng của bể lắng.

Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025.

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày đêm.

- Vị trí lấy mẫu:

+ 01 vị trí nước thải đầu vào tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày đêm.

+ 01 vị trí nước thải đầu ra tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày đêm trước khi thoát vào kênh thoát nước của Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Tần suất lấy mẫu: Trong giai đoạn vận hành ổn định:

STT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
Giai đoạn vận hành ổn định				
1	01 vị trí nước thải đầu vào tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m ³ /ngày đêm	pH, BOD ₅ , COD, Chất rắn lơ lửng, Tổng chất rắn hoà tan, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng dầu mỡ khoáng; Tổng phốt pho (tính theo P), Tổng nitơ, Coliform.	Lấy mẫu đơn 1 lần. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Ngày 14/07/2025	QCVN 14:2008/B TNMT, cột B

2	01 vị trí nước thải đầu ra tại hồ ga sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m ³ /ngày đêm	pH, BOD ₅ , COD, Chất rắn lơ lửng, Tổng chất rắn hoà tan, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng dầu mỡ khoáng; Tổng phốt pho (tính theo P), Tổng nitơ, Coliform.	Lấy mẫu đơn 01 ngày/lần trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 14/07/2025 - Lần 2: Ngày 15/07/2025 - Lần 3: Ngày 16/07/2025	
---	---	---	---	--

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào kênh thoát nước của Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND thành phố Bắc Giang, Phòng Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành được viết bằng ngôn ngữ tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND thành phố Bắc Giang, Phòng Nông nghiệp và Môi trường để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /QĐ-UBND ngày /6/2025
của UBND Thành phố Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn.**

- Nguồn phát sinh số 1: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất tại khu vực nhà xưởng của dự án.

- Nguồn phát sinh số 2: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 vị trí.

- Vị trí 01: Khu vực sản xuất tại nhà xưởng. Tọa độ: X = 2 353 684; Y = 415 816.

- Vị trí 02: Khu đặt máy nén khí. Tọa độ: X = 2 353 580; Y = 415 878.

(Theo hệ tọa độ VN2000, trục kinh tuyến 107° , múi chiếu 3°).

3. Giá trị giới hạn của tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ	
1	70	55	Khu vực thông thường

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- *Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại nguồn:*

- + Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt tại chân thiết bị gây ồn;
- + Nơi điều hành sản xuất được bố trí cách ly riêng;
- + Kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và tra dầu bôi trơn thường kỳ;
- + Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn;
- + Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyên động để giảm bớt tiếng ồn.

- *Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho công nhân:*

+ Công nhân được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ, đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức ồn cao. Chủ dự án sẽ nhắc nhở công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn phải sử dụng bảo hộ lao động đầy đủ trong quá trình làm việc.

+ Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong khu vực ô nhiễm ồn, độ rung nhằm đảm bảo sức khoẻ lâu dài cho công nhân.

+ Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng.

Ngoài ra, chủ dự án còn áp dụng một số biện pháp như: Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án, bê tông hoá đường nội bộ, vệ sinh sạch sẽ sân đường nội bộ.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /QĐ-UBND ngày /6/2025
của UBND thành phố Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng 938 kg/năm, trong đó:

STT	Chủng loại CTNH	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (Kg/năm)
1	Vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay nhiễm CTNH	18 02 01	Rắn	206
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	80
3	Hộp mực in thải	08 02 08	Rắn	128
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	238
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn	286
	Tổng			938

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên khoảng 24.827kg/tháng gồm:

STT	Tên chất thải rắn	Đơn vị	Khối lượng
1	Vải vụn, dây thun vụn, nhãn vụn,...	Kg/tháng	17.793
2	Giấy vụn, bao bì nylon, carton thải bỏ, ruột băng keo,...	Kg/tháng	3.724
3	Nguyên vật liệu, sản phẩm lỗi hỏng (không chứa thành phần nguy hại)	Kg/tháng	3.310
	Tổng	Kg/tháng	24.827

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của Công ty TNHH Onechang Vina khoảng 256,77 kg/ngày, tương đương khoảng 80,112 tấn/năm, thành phần chủ yếu bao gồm túi nilong, vỏ chai lọ, vỏ hoa quả bánh kẹo, giấy,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 4 thùng chứa chất thải chuyên dụng bằng nhựa, dung tích 120lít/thùng, có nắp đậy, mỗi loại chất thải đựng vào thùng chứa riêng, trên mỗi thùng có dán mã chất thải tương ứng, lưu giữ tại khu vực chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 01 kho chứa diện tích 7m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có mái che, có lắp đặt cửa ra vào, trên cửa có biển cảnh báo kho chứa CTNH. Mặt sàn trong khu lưu giữ kín khít, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn vào từ bên ngoài.
- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định, tần suất dự kiến khoảng 06 tháng/lần (tùy theo khối lượng chất thải phát sinh).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Chủ dự án tận dụng các bao bì để đựng chất thải, sau đó chất thải được vận chuyển đến kho chứa, xếp gọn gàng trong kho chất thải rắn sản xuất.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải: 02 kho chứa, diện tích 48m² và 18,8m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho được xây bằng gạch, nền láng xi măng, mái lợp tôn, trên cửa có dán biển tên.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định, tần suất dự kiến khoảng 1ngày/lần (tùy theo khối lượng chất thải phát sinh).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải được chứa trong các thùng chứa có nắp đậy: 05 thùng chứa chất thải bằng nhựa, dung tích 120l đặt tại nhà ăn, đường đi; 03 thùng chứa dung tích 60l tại các văn phòng. Chất thải sinh hoạt từ các thùng chứa rác tiếp tục được thu gom vào xe để rác đặt ở cổng của nhà máy.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa: Không bố trí kho.

Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị đủ chức năng đến vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, tần suất dự kiến khoảng 1 lần/ngày (vào cuối ngày).

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu giữ trong bể chứa bùn sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng đến hút bùn đi xử lý theo đúng quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động, có các biện pháp khắc phục sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động dự án khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /QĐ-UBND ngày /6/2025
của UBND Thành phố Bắc Giang)

Công ty TNHH Onechang Vina có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Theo dõi vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 70 m³/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận, không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành máy móc thiết bị đảm bảo tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND thành phố Bắc Giang, Phòng Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Các nội dung khác: Chi tiết theo nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án./.